

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HS-PT

Ngày: 01 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn, Ông Trần Hữu Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Công Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2019/HS-PT ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Trần Văn T do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Bị cáo kháng cáo: **Trần Văn T** (tên gọi khác: Rìu), sinh ngày 25 tháng 3 năm 1992 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái máy xúc; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị L; Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không. Tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2015 bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Ngọc T1, có bị hại Hồ Thanh T2, nhưng không kháng cáo, Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 02 tháng 6 năm 2018, Trần Văn T cùng với Đinh Văn N, Đàm Duy H và Đàm Mạnh H1 đến ăn uống tại quán anh H ở thôn Đông Dương, xã

Quảng Phương. Tại quán còn có nhóm của Nguyễn Anh D, Hồ Thanh T2 và Trần Văn T ngồi ăn uống ở bàn bên cạnh, do Nguyễn Anh D có quen biết Trần Văn T nên D đi qua bàn T giao lưu và nói với T “Ngày xưa mi có đánh tau một lần”, sau lời nói của D thì hai bên xảy ra cãi cọ, xô xát đánh nhau. Hồ Thanh T2 nhìn thấy T và D đánh nhau nên cầm một xô đựng đá lạnh chạy lại đánh vào lưng T. T bỏ ra hướng cổng Trường Mầm non thôn Đông Dương, xã Quảng Phương và dùng điện thoại di động gọi cho Nguyễn Ngọc T1 trú tại thôn Pháp Kệ, xã Quảng Phương với nội dung “Mi đang ở mô lên chở tau đi viện cái, chứ tau đang nhậu thì bị mấy thằng Đông Dương đánh”, T1 hỏi lại “Rứa mi đang ở mô” thì T trả lời “Đang ở trước cổng Trường Mầm non Đông Dương”. Sau đó, T đi đến bên trái hàng rào cổng Trường Mầm non thôn Đông Dương bẻ một cành gỗ xoan cầm trên tay với mục đích nếu T2 và D đuổi theo thì T sử dụng để đánh lại. Nguyễn Ngọc T1 đang ngồi nhậu tại quán anh H ở đội 6, thôn Pháp Kệ, xã Quảng Phương, khi nghe T gọi điện đang lấy máy chạy đến chỗ T thì thấy Nguyễn Văn H chạy xe tới, nên T1 nói với H “Coi chạy lên thằng T rằng chứ hấn đang ngồi nhậu mà bị mấy thằng Đông Dương đập” H nói lại “Rứa chạy lên coi thử” rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Jupiter, Biển số 73P1-0354 chở T1 lên Trường Mầm non Đông Dương gặp T. Khi gặp T, T1 hỏi “Răng rứa”, thì T trả lời “Tau đang nhậu thì bị mấy thằng Đông Dương đánh”, T1 hỏi tiếp “Bị sao không” rồi hỏi “Xe mi đâu”, T trả lời “Xe còn để trong quán nhậu”. Sau đó, T nói với H “Chở tau vô lấy xe cái”, H đồng ý và chở T1 và T đến quán nhậu anh H để lấy xe, khi đến quán nhậu thấy Đinh Văn N, Đàm Duy H và Đàm Mạnh H là những người bạn ngồi nhậu cùng với mình trước khi bị đánh vẫn còn đứng trước quán nhậu. T vào trong quán dắt xe của mình ra dựng trước cổng, T mở cốp xe lấy một côn nhị khúc làm bằng inox được nối với nhau bằng một sợi dây xích, côn có chiều dài 70 cm, T đưa cho T1 cầm và nói “Mi cầm cái ni cái” với mục đích nếu nhóm của D và T2 quay lại đánh T thì T1 có hung khí để đánh lại. Sau khi đưa côn nhị khúc cho T1 cầm, thấy T1 không có xe nên T đưa luôn chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Sirius Biển số 73E1 – 23954 của T cho T1 chạy, rồi nói với T1 “Mi ở đó tau chạy đi gặp thằng ni cái”. Sau đó T cầm theo gậy gỗ xoan và nói với N “Mi chở tau lại đây gặp thằng ni cái”, mục đích của T là đi tìm T2 và Dũng để hỏi lý do vì sao lại đánh mình và cầm theo gậy nhằm mục đích đánh nhau. Khi đi, T không nói rõ việc đánh nhau cho N biết. N không biết T nhờ chở đi đâu và gặp ai nên T ngồi sau xe chỉ đường cho N điều khiển. N sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Exerciter Biển số 73E1 – 299.98 chở T đi thì H và H đi về nhà, còn Nguyễn Ngọc T1 và Trần Văn H cũng điều khiển xe chạy theo T, khi đi T1 cầm theo côn nhị khúc ở tay với mục đích đánh nhau. T chỉ đường cho N chở T chạy đến nhà anh Trần Văn M ở thôn Đông Dương, xã Quảng Phương để tìm T2 vì nghĩ M và T2 là hai anh em nên T2 sẽ đến đó chơi. Khi đến nhà anh M do không thấy T2 nên T quay ra bảo N chở đến nhà của Nguyễn Anh D. H và T1 vẫn điều khiển xe mô tô chạy theo sau xe T nhưng khi đến trước cổng nhà D thì H chạy về trước, còn T xuống xe đi bộ vào nhà D mục đích tìm D để đánh còn N và T1 đứng chờ trước cổng. Khi T vào nhà D do không thấy D nên T đi bộ ra ngoài đường để chở N về. T đi ra và nói “Không có hấn ở nhà” thì T1 chạy xe

mô tô qua bên kia đường, còn N chờ T chạy phía sau. Khi đi đến giữa đường liên thôn Đông Dương thì Hồ Thanh T2 hai tay cầm hai con dao chạy về phía T. Lúc T2 cách vị trí T khoảng 10 mét thì T vẫn chưa xác định được đó là ai, nhưng khi khoảng cách khoảng 06 mét thì T nhận ra đó là T2, thấy T2 hai tay cầm hai con dao chạy về phía mình, T nhảy xuống xe, còn N điều khiển xe chạy qua dừng chờ bên kia đường. Khi T2 chạy đến vị trí T đứng khoảng 02 mét, đối diện với T, thấy T2 giơ dao về phía mình thì T dùng hai tay cầm gậy gỗ xoan giơ lên đánh một phát theo hướng từ trên xuống, từ phải qua trái trúng vào vai trái của T2 làm T2 ngã xuống đường. Thấy T2 ngã, T đứng sang phía bên trái người T2, ngang gần phần bụng T2 và dùng hai tay cầm gậy đánh thêm một cái theo hướng từ trên xuống trúng vào đùi trái của T2. Sau đó, nhìn thấy bên trái của T2 có 01 con dao loại dao mũi bằng cán làm bằng gỗ chiều dài khoảng 30 cm đến 40 cm, T dùng tay trái nhặt con dao lên, khi nhìn thấy T2 đang khom người để đứng dậy, T liền dùng dao quơ nhanh theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, T2 giơ hai tay về phía trước để đỡ nên lưỡi dao trúng vào tay T2 nhưng vì quơ nhanh, trời tối nên không nhìn rõ lưỡi dao trúng vào vị trí cụ thể nào trên tay T2. Nguyễn Ngọc T1 đứng bên kia đường nhìn thấy T dùng gậy đánh T2 ngã xuống đường thì T1 băng qua đường đi đến vị trí T2 ngã rồi đứng sang bên trái người T2 dùng tay phải cầm côn nhị khúc đánh một phát hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào bắp đùi trái của T2. Lúc đó Nguyễn Anh H, là anh trai của D cầm rựa chạy về phía T và T1, nghe có người hô “Có thằng cầm rựa” nên T và T1 quay nhìn về phía H, sau đó Hồ Thanh T2 đứng dậy và bỏ chạy ra ruộng lúa gần đó, T đi về phía H khoảng 01 mét thì rút dao xuống đường, khi H cầm rựa đi đến cách T và T1 khoảng 03 mét thì H nhảy qua hàng rào dây thép gai vườn nhà D đi vào trong nhà. Thấy H bỏ đi nên T và T1 quay lại phía T2, không thấy T2 nên T cầm theo gậy gỗ xoan đi lại vị trí N đang đứng ở bên kia đường và bảo N chờ về cổng chào thôn Đông Dương, T1 cầm theo côn nhị khúc lên xe mô tô chạy theo sau. Khi chạy ra khỏi hiện trường khoảng 100 mét, vì sợ bị phát hiện nên T1 vừa điều khiển xe vừa dùng tay phải cầm côn nhị khúc vút ra bên lề đường liên thôn Đông Dương. Khi chạy về đến cổng chào thôn Đông Dương, T xuống xe và đi đến quán cà phê H, dựng gậy gỗ xoan ở hàng rào quán cà phê rồi đi lên tầng hai của quán để tìm D, nhưng vì không thấy D trên quán nên T đi xuống và bảo T1 chờ T đi đến Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình để khám sức khỏe, Đinh Văn N điều khiển xe mô tô về nhà ngủ.

Hậu quả: Anh Hồ Thanh T2 bị đứt gân cổ tay phải, điều trị tại Bệnh viện Trung ương Huế từ ngày 03 tháng 6 năm 2018 đến ngày 16 tháng 6 năm 2018 thì ra viện.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 182-18/TgT ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện nay của anh Hồ Thanh Trường là 13%.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã thu giữ các vật chứng gồm: 01 (Một) cành gỗ xoan hình tròn, màu

nâu sẫm, dài 1,65 mét, đường kính đầu lớn nhất 5,5 cm, đầu nhỏ nhất 5 cm; 01 (một) côn nhị khúc, một đầu tay cầm có kích thước 29,5 cm, một đầu tay cầm có kích thước 27 cm, đường kính 2,5 cm được làm bằng kim loại màu trắng xám, đã rỉ sét, được nối với nhau bằng dây xích dài 20 cm; Thu giữ và đã trả lại (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại sirius màu sơn đỏ đen, Biển số 73E1 – 239.54 cho Trần Văn Tú theo Quyết định xử lý vật chứng số 07/QĐ-VKSQT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch.

Đối với vật chứng là 01 con dao mà T khai nhận sau khi gây thương tích cho Trường, đã vứt tại hiện trường và 01 con dao tại thời điểm bị hại Hồ Thanh T2 cầm trên tay nhằm mục đích đánh T và T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã tổ chức truy tìm nhưng không có kết quả.

Về bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, giữa hai bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Ngọc T1 và người bị hại anh Hồ Thanh T2 đã thỏa thuận bồi thường một lần các khoản chi phí điều trị và chi phí hợp lý khác với tổng số tiền 32.941.000 đồng, các bị cáo đã bồi thường đầy đủ, người bị hại đã có đơn xin bãi nại cho các bị cáo.

Cáo trạng số: 30/CT-VKSQT, ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch truy tố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Ngọc T1 về tội: “Cố ý gây thương tích”, quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản án số 39/2018/HS-ST, ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch quyết định tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Ngọc T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Văn Tú1, Nguyễn Ngọc T1 .

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Không xem xét việc bồi thường dân sự đối với các bị cáo;

Tuyên xử lý vật chứng vụ án, tuyên buộc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Ngọc T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo, người bị hại theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 02 tháng 12 năm 2018, bị cáo Trần Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn T khai và thừa nhận hành vi phạm tội của mình và bị cáo Nguyễn Ngọc T1 đúng như Cáo trạng truy tố và xét xử của án sơ thẩm, giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo tại địa phương.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T và giữ y Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Ngọc T1, lời khai của bị cáo Trần Văn T và lời khai của người bị hại Hồ Thanh T2, lời khai của các người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với Kết luận giám định pháp y thương tích tỷ lệ tổn thương cơ thể 13% do các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Ngọc T1 đã gây ra cho bị hại Hồ Thanh T2; phù hợp với tang vật vụ án được thu giữ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch quyết định tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Ngọc T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo tại địa phương của bị cáo Trần Văn T, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” bằng việc sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại 13% nên bị truy tố và xét xử theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015) có hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm, bị cáo phạm tội chỉ từ lời nói của Nguyễn Anh D khi đi qua bàn T giao lưu và nhắc lại chuyện cũ với T “Ngày xưa mi có đánh tau một lần”, thì Trần Văn T lấy cớ, gây sự, kích động lôi kéo người khác đánh nhau với nhóm bạn của Nguyễn Anh D. Quá trình phạm tội cho thấy hành động của Trần Văn T rất quyết liệt, bằng mọi cách để tìm đánh bằng được người trước đó có mâu thuẫn với mình.

Theo hậu quả bị hại Hồ Thanh T2 bị Trần Văn T, Nguyễn Ngọc T1 đánh, chém đứt gân cổ tay phải, Kết luận giám định pháp y với tỷ lệ tổn thương cơ thể 13%, Bản án sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Văn T, xử phạt bị cáo Trần Văn T 12 tháng tù, dưới khởi điểm của khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là thỏa đáng, không nặng. Theo tính chất, mức độ vụ án, yêu cầu đấu tranh đối với tội “Cố ý gây thương tích” hiện nay, Bản án sơ thẩm không cho bị cáo Trần Văn T được hưởng án treo là có căn cứ.

Bị cáo Trần Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo nhưng không có thêm tình tiết gì mới chưa được Bản án sơ thẩm xem xét trong khi tình tiết tăng nặng “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” theo điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 không được Bản án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm án cho bị cáo hoặc giữ y hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Trần Ngọc T.

Bị cáo Trần Văn T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu Án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T và giữ y Bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn T. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Bị cáo Trần Văn Tú phải nộp 200.000 đồng Án phí hình sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng vụ án; buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ Án phí hình sự sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (01 tháng 3 năm 2019).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 BLTTHS;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Vụ GDKT 1 TANDTC;
- Sở Tư pháp tỉnh Q Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn THS, VPTAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Việt

